

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST

Ngày: 12-8-2021

***“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”***

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thi.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị H Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2020/TLST-KDTM ngày 29/12/2020 về ***“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-KDTM ngày 27/7/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là *Ngân hàng*); Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đ Gia Lai. Địa chỉ: Số 35 Võ Thị Sáu, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. (*Văn bản ủy quyền số 431/NHNo.KBĐGL-TH ngày 23/12/2020*).

2. *Bị đơn:* Ông Đào Minh C, sinh năm 1970 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

*Ông B có đơn xin xét xử vắng mặt; bà H có mặt; ông C lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, được bổ sung tại bản tự khai ngày 29/12/2020 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng ông Đỗ Thanh B trình bày:***

Vào ngày 09/10/2019, ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai với số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng

số: 5008LAV201903503, với lãi suất thỏa thuận tại Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 5008LDS201905809 ngày 09/10/2019 là 9,6%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Mua bán hàng nông sản. Lãi suất quá hạn bằng là 14,4%/năm. Thời hạn vay: 10 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/8/2020. Khi vay vốn tại Ngân hàng ông C, bà H là hộ kinh doanh mua bán hàng hóa nông sản, lò sấy có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 39B8001365/HKD ngày 26/3/2013.

Khoản vay này được đảm bảo bằng 02 Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4444 ngày 09/10/2017 và số 4445 ngày 09/10/2017 giữa bên thế chấp là ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai; Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất; quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640567 do Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/12/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 622000 do Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/9/2011.

Trong thời gian vay vốn, ông C-bà H đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/4/2020, đồng thời Ngân hàng cũng nhiều lần thông báo đòi nợ, đôn đốc, nhắc nhở bằng nhiều hình thức nhưng ông C-bà H vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 23/12/2020, ông C-bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.454.546.849 đồng (*Một tỷ, bốn trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng*), gồm số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 131.296.438 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 23.250.411 đồng và số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 24/12/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại bảng kê tính lãi, Ngân hàng bổ sung yêu cầu ông C-bà H còn phải trả tiếp số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 24/12/2020 đến hết ngày 12/8/2021 (*ngày xét xử sơ thẩm*) số tiền nợ lãi trong hạn là 79.324.932 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn 39.662.466 đồng. Tổng cộng, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai là 1.573.534.247 đồng (*một tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 1.300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 210.621.370 đồng và nợ lãi quá hạn là 62.912.877 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 12/8/2021*).

Ngân hàng còn bổ sung yêu cầu về lãi suất đối với tiền lãi chậm trả (*theo thỏa thuận của hai bên đương sự tại hồ sơ vay vốn*): Trường hợp khách hàng (ông C và bà H) không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Ngoài ra theo thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng còn yêu cầu: Trường hợp ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông C-bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông C-bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

***Theo bản tự khai ngày 04/01/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà H thừa nhận vào ngày 09/10/2019 vợ chồng bà có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai với số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 5008LAV201903503, với lãi suất thỏa thuận tại Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 5008LDS201905809 ngày 09/10/2019 và hiện còn nợ Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi phát sinh. Mục đích vay để đầu tư vào làm ăn buôn bán, tuy nhiên quá trình làm ăn gặp nhiều khó khăn, thua lỗ nên không có khả năng trả nợ gốc và lãi như đã cam kết với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì vợ chồng bà thừa nhận nợ và chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng.

***Đối với bị đơn ông Đào Minh C:*** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông C đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức. Nhưng do ông C thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ cư trú là thôn 3, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; tuy nhiên ông C vẫn luôn giữ liên lạc qua điện thoại với bà H (*là vợ ông C*) và Tòa án. Mặc dù Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng đến ông C được nhưng Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để ông C thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn nhưng ông C đã không chấp hành, cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đào Minh C theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

***Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:***

- 01 Giấy ủy quyền số 431/NHNo.KBĐGL-TH ngày 23/12/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai (bản chính).

- 02 Bảng kê tạm tính lãi;

Những tài liệu, chứng cứ sao y bản chính gồm:

- 01 Quyết định V/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019;

- 01 Hợp đồng tín dụng số 5008LAV201903503 ngày 09/10/2019 giữa bên cho vay là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai và bên vay là ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H;

- 01 Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 09/10/2019;

- 01 Phương án sử dụng vốn ngày 09/10/2019;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 39B8001365/HKD tên hộ kinh doanh Đào Minh C;

- 01 Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4444 ngày 09/10/2017 giữa Bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện

Kbang Đ Gia Lai và Bên thế chấp là ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H;

- 01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 09/10/2017;

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đào Minh C số U 640567 cấp ngày 31/12/2001;

- 01 Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4445 ngày 09/10/2017 giữa Bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai và Bên thế chấp là ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H;

- 01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 09/10/2017;

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên hộ ông Đào Minh C và Nguyễn Thị H số BE 622000 cấp ngày 22/9/2011;

- 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Đào Minh C và 02 Chứng minh nhân dân mang tên ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H (bản photo);

- 01 Giấy cam kết trả nợ vay Ngân hàng đã quá hạn;

- 02 Giấy Báo nợ đến hạn;

- 02 Thông báo chuyển nợ quá hạn;

- 04 Biên bản làm việc;

- 01 Sổ giao dịch tiền vay của tên khách hàng Đào Minh C (bản chính).

**Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:** Ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H, có địa chỉ tại Thôn 3, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng giao nộp là Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Minh C và Nguyễn Thị H; Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Đào Minh C và bản tự khai của bà H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tổ tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 157, 158, 179, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 280, 299, 317, 319, 322, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc bị đơn ông Đào Minh C, bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền là 1.454.546.849 đồng (*Một tỷ, bốn trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng*), gồm số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 131.296.438 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 23.250.411 đồng. Sau ngày Tòa án tuyên án, bị đơn tiếp tục phải chịu lãi đối với khoản vay theo thỏa thuận.

Trường hợp nếu ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc

thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông C-bà H theo các Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4444 ngày 09/10/2017 và số 4445 ngày 09/10/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Buộc bị đơn ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

Buộc bị đơn ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ chi phí định xem xét, thẩm định tại chỗ, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền là 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng dân sự:**

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại thôn 3, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông C đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Đỗ Thanh B vắng mặt nhưng ông B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Xét Hợp đồng tín dụng số: 5008LAV201903503 ngày 09/10/2019 được ký kết giữa Ngân hàng với ông C-bà H thấy rằng hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H chủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo Hợp đồng tín dụng số: 5008LAV201903503 được ký kết giữa ngân hàng với ông C-bà H đã thể hiện rõ việc ngân hàng cho ông C-bà H vay số tiền 1.300.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận tại Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 5008LDS201905809 ngày 09/10/2019 là 9,6%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Mua bán hàng nông sản. Lãi suất quá hạn bằng là 14.4%/năm. Thời hạn vay: 10 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/8/2020. Tất cả các điều kiện trên của

bên cho vay và bên vay đã được ông C, bà H thừa nhận bằng việc ký vào Hợp đồng tín dụng, Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ và nhận số tiền của khoản vay là 1.300.000.000 đồng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng 02 Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4444 ngày 09/10/2017 và số 4445 ngày 09/10/2017; Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/10/2017; Tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640567 do Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/12/2001 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 622000 do Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/9/2011.

Sau khi vay tiền ông C-bà H đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được tiền nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông, bà trả nợ. Ông C-bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Ngân hàng phải chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông C-bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C vắng mặt tại nơi cư trú nhưng thỉnh thoảng ông vẫn về thăm nhà, thường xuyên liên lạc qua điện thoại với bà H và Tòa án, ông C biết rõ việc ngân hàng khởi kiện nhưng ông cố tình vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, ông C đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.573.534.247 đồng (*một tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 1.300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 210.621.370 đồng và nợ lãi quá hạn là 62.912.877 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 12/8/2021*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại Hợp đồng tín dụng số: 5008LAV201903503 ngày 09/10/2019 giữa hai bên đương sự còn có thỏa thuận lãi suất đối với tiền lãi chậm trả: Trường hợp khách hàng (ông C-bà H) không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Trường hợp nếu ông C-bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông C-bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông C-bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Xét các thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên Ngân hàng có các quyền này khi yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Trong các ngày 22/3/2021 và ngày 23/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp là thửa đất số 83, tờ bản đồ số 67 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640567 do Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/12/2001 và thửa đất số 06, tờ bản đồ số 27 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 622000 do Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/9/2011 cho ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định: Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 67 đã thế chấp đúng diện tích là 175 m<sup>2</sup> đất ở tại thôn 3, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; đúng vị trí, số tờ, số thửa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640567 và đất không có tranh chấp với bên thứ ba. Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 27 đã thế chấp đúng diện tích là 4.085 m<sup>2</sup> tại thôn 5, xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; đúng vị trí, số tờ, số thửa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 622000 và đất không có tranh chấp với bên thứ ba.

**[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là 59.206.027 đồng (trong đó: 800.000.000 đồng án phí là 36.000.000 đồng; 773.534.247 đồng x 3% = 23.206.027 đồng).

**[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ chi phí định xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*). Do nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 179; Điều 227; Điều 228 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, cụ thể như sau:

Buộc bị đơn ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 5008LAV201903503 ngày 09/10/2019 là 1.573.534.247 đồng (*một tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 1.300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 210.621.370 đồng và nợ lãi quá hạn là 62.912.877 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 12/8/2021*).

Trường hợp nếu ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm của ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H theo các Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4444 ngày 09/10/2017 và số 4445 ngày 09/10/2017; Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640567 do Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/12/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 622000 do Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/9/2011 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp khách hàng (bị đơn ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H) không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án thi hành án xong khoản tiền nợ (7.000.000 đồng) nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*



Về án phí: Buộc bị đơn ông Đào Minh C và bà Nguyễn Thị H phải chịu 59.206.027 đồng (*năm mươi chín triệu, hai trăm lẻ sáu nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng*) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đ Gia Lai số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 27.818.202 đồng (*hai mươi bảy triệu, tám trăm mười tám nghìn, hai trăm lẻ hai đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0003612 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Ngọc**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**